

ĐÁNH GIÁ LIÊN KẾT GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP
THE LINKAGE BETWEEN UNIVERSITY AND INDUSTRY

Nguyễn Quỳnh Mai

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG TP.HCM - nqmai@hcmiu.edu.vn

(Bài nhận ngày 23 tháng 12 năm 2014, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 18 tháng 01 năm 2015)

TÓM TẮT

Nhằm đánh giá mối liên kết giữa trường ĐH và DN, chúng tôi thực hiện một khảo sát về các hình thức liên kết phổ biến, mức độ liên kết và những lợi ích mà hai phía nhận được từ liên kết này. Dữ liệu được thu thập từ 2 nhóm: các trường ĐH trên địa bàn thành phố HCM và các doanh nghiệp. Có 26 trường ĐH phản hồi với 138 phiếu trả lời từ các khoa, trung tâm thuộc trường và 120 phiếu phản hồi từ 120 DN thuộc cả 3 lĩnh vực Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại. Kết quả đã xác định được 3 nhóm hình thức hợp tác phổ biến trong đào tạo, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ thiết bị nghiên cứu, trong đó mức độ hợp tác chỉ ở mức trung bình với trường ĐH và mức thấp với DN. Các lợi ích được phân chia thành hai nhóm: Lợi ích liên kết và Lợi ích đào tạo. Các hình thức liên kết có mối tương quan khá chặt chẽ đến các lợi ích tương ứng.

Từ khóa: Hình thức liên kết, lợi ích liên kết, các yếu tố tạo thuận lợi cho liên kết.

ABSTRACT

This research was conducted to evaluate types, strength and benefits of linkages between university and industry in Ho Chi Minh City. Data was collected from both universities and businesses. We received 138 responses from faculties and centers of 26 universities (out of 30 universities surveyed) and 120 responses from 120 businesses in manufacturing, service and trading. The study identified three prevalent types of the linkage in training and technology transfer, which are: (1) Industry supports university in training; (2) University provides training and technology transfer for industry; and (3) Industry provides technological facilities for university. The level of this collaboration was found to be average in the universities group and weak in the businesses group. The benefits of collaboration are divided into two groups, namely benefits in training and benefits in research. The result also showed there is significant correlation between the strength and benefits of the linkage.

Keywords: Linkage type, linkage benefits, linkage favorable factors.

1. Đặt vấn đề

Mối liên kết giữa các trường đại học và ngành công nghiệp mang lại lợi ích đáng kể cho cả hai phía. Các trường đại học (ĐH) có thể cung cấp các chương trình đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường, thực hiện các hoạt động nghiên cứu thông qua hợp tác và tăng cường thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của mình. Doanh nghiệp (DN) có thể thu được

lợi ích từ các sáng kiến và giải pháp cho các vấn đề trong sản xuất và quản lý, tiếp cận với các sinh viên giỏi cho nhu cầu tuyển dụng và các giáo sư trong hoạt động tư vấn và nghiên cứu. Xã hội cũng được hưởng lợi từ mối liên kết này thông qua các sản phẩm và công nghệ mới được tạo ra (Santoro, 2000). Ngoài ra, mối liên kết này còn thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp, tạo việc làm và thu nhập từ

sản phẩm công nghệ và dịch vụ mới. Việc phối hợp chặt chẽ với các trường đại học có đủ khả năng giúp các công ty có tăng cơ hội thành công trong các phát minh sáng chế hay tiếp cận với những phát minh công nghệ mới từ các trường đại học. Quá trình chuyển giao công nghệ thúc đẩy việc khởi nghiệp kinh doanh và đạt được lợi tức từ đầu tư (Kirkman, 2012).

Tuy nhiên, hoạt động liên kết giữa nhà trường và DN ở Việt Nam hiện nay còn rất hạn chế về hình thức và mức độ và có kết quả không đáng kể. Nghiên cứu này sẽ kiểm chứng giả thuyết này.

Trong năm 2007 đã có hơn 300 trường ĐH, Cao đẳng ký kết thỏa thuận hợp tác với DN. Các thỏa thuận hợp tác là bước khởi đầu cho kế hoạch hợp tác toàn diện, góp phần mang lại lợi ích thiết thực cho cả trường ĐH và DN. Tuy nhiên mối liên kết trường ĐH - DN dường như chưa thực sự mang lại hiệu quả về đào tạo như mong đợi (Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009). Nghiên cứu này tập trung vào làm rõ các vấn đề như: Các hình thức liên kết phổ biến là gì? Hiệu quả của các hình thức này? Sự khác biệt trong đánh giá giữa Trường ĐH và DN khi đánh giá về những vấn đề này? Nguyên nhân của sự khác biệt này là gì?

2. Cơ sở lý thuyết

Các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam về vấn đề này không nhiều, đa phần là các ý kiến của các nhà giáo dục/quản lý giáo dục nói về liên kết trong đào tạo và nghiên cứu (Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009) hơn là các bằng chứng thực nghiệm.

Các mô hình hợp tác trong nghiên cứu được đề cập đến phổ biến hơn trong các nghiên cứu nước ngoài. Guan, Richard và Mok (2005) đưa ra mô hình hợp tác trong nghiên cứu giữa viện nghiên cứu và trường ĐH và DN ở Bắc Kinh, Trung Quốc. Mô hình đã cho thấy vai trò của sự hợp tác và của Chính Phủ đối với sự đổi mới

công nghệ. Các viện nghiên cứu/trường ĐH chuyển giao kết quả R&D và công nghệ chủ yếu được tài trợ và hướng dẫn bởi Chính Phủ cho DN. Ngoài ra Chính Phủ cũng đóng vai trò trung gian trong việc công bố những kết quả nghiên cứu cho DN. Nghiên cứu này cũng cho thấy các DN tại Bắc Kinh ưa thích hình thức liên kết trong đó DN phối hợp với các viện NC, trường ĐH phát triển kết quả R&D nhất, kế đến là hình thức DN tuyển dụng nhân sự, công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường ĐH. Ngoài ra, có đến 90% các DN tại Bắc Kinh ưa thích mô hình hợp tác “DN sẽ làm việc chung với viện, trường ĐH để phát triển ra sản phẩm mới có nguồn gốc từ DN”.

Theo Jones - Evans & Klostern (1998), sự thành công của trường ĐH nằm ở chỗ nó trở thành một lực lượng cho sự đổi mới của địa phương thông qua việc phát triển một mạng lưới gồm các công viên và các vườn ươm khoa học gắn liền với việc nghiên cứu của các trường ĐH.

Mối liên hệ với các DN sẽ kéo theo những lợi ích rõ ràng như sau: (1) Tạo ra những nguồn lực nghiên cứu mà không thể có được ở những nơi khác; (2) Giảm thói quan liêu về giấy tờ khi phải phụ thuộc vào tài trợ nhà nước; (3) Nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho SV; (4) Gia tăng tỷ lệ áp dụng được những nghiên cứu cơ bản vào các vấn đề thực tiễn; (5) Khuyến khích học tập, nâng cao trình độ nghiên cứu học thuật giữa các học giả; (6) Tăng doanh thu cho các trường ĐH qua việc tạo ra những bằng sáng chế. Bên cạnh đó cũng có những mối nguy hại từ sự hợp tác quá thân thiết giữa hai bên là các trường ĐH có nguy cơ trở thành một trung tâm R&D của các công ty lớn (Harman, 2001).

Heidrick, Kramers và Godin (2005) chứng minh những lợi ích từ sự hợp tác giữa trường ĐH và DN từ kết quả thực tế của 27 dự án R&D do trường ĐH phối hợp với các DN thực hiện. Các tác giả cũng xây dựng mô hình miêu

tả vòng tạo ra giá trị từ 3 nơi nhận được lợi ích là trường ĐH, DN và Chính Phủ.

Mô hình nghiên cứu

Các hoạt động liên kết giữa trường ĐH và DN chủ yếu tập trung vào 3 hình thức là Tư vấn, Đào tạo và Hợp tác phát triển nguồn nhân lực (Đặng Quốc Bảo và Bùi Đức Tú, 2007 và Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009). Trong đó nhà trường có thể tư vấn, xây dựng chương trình đào tạo cho DN; DN tham gia góp ý nội dung chương trình đào tạo của trường ĐH, tạo điều kiện cho SV thực tập; trường ĐH có thể mời DN tham gia giảng dạy hay nói chuyện chuyên đề. Nhà trường có thể hỗ trợ DN trong vấn đề tuyển dụng thông qua các hoạt động như tư vấn giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm. Ngược lại DN có thể cung cấp các cơ hội thực tập cho sinh viên.

Một hình thức liên kết cũng rất phổ biến là liên kết trong NCKH và CGCN. Các hoạt động liên kết này có thể gồm các hình thức DN tài trợ cho hoạt động nghiên cứu, thành lập nhóm nghiên cứu chung, bao gồm thành viên từ DN và trường ĐH, DN đầu tư thiết bị cho trường ĐH v.v... (Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009). Theo Guan, Richard và Mok (2005), có 6 hình thức hợp tác trong liên kết NC và CGCN, bao gồm: (1) Mua kết quả R&D từ các viện, (2) trường ĐH, DN cùng phối hợp với viện/ trường phát triển kết quả R&D; (3) Giao phó nhiệm vụ R&D cho các viện NC/trường ĐH. (4) DN và viện NC/trường ĐH cùng thành lập các tổ chức R&D. (5) DN tuyển dụng nhân sự, công nghệ từ các viện NC/ trường ĐH. (6) DN tham gia vào các dự án chung quốc gia cùng với viện NC/trường ĐH.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra lợi ích từ liên kết, trong đó lợi ích có thể được chia thành 2 nhóm: Lợi ích trong liên kết đào tạo và Lợi ích trong liên kết nghiên cứu.

Việc liên kết trong đào tạo giúp tăng cường tính thực tiễn cho chương trình, tăng cơ hội áp dụng lý thuyết đã học cho SV thông qua tham quan, thực tập; trong khi đó DN có thể thu hút thêm nguồn nhân lực chất lượng cao từ phía các trường ĐH (Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009). Việc liên kết cũng giúp phía DN có cơ sở để gửi nhân viên đến học tập, nâng cao trình độ. Liên kết còn giúp trường ĐH nâng cao chất lượng đào tạo, DN quảng bá được hình ảnh và tuyển dụng được nhân sự

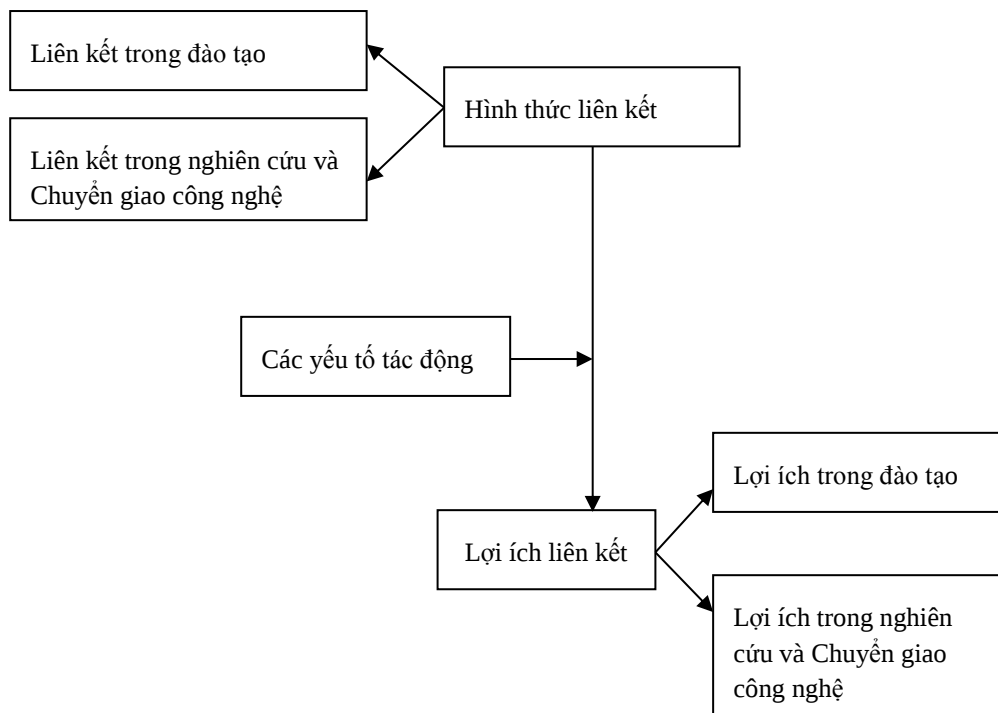
Các lợi ích trong liên kết NCKH và CGCN rất phong phú, liên kết giúp tăng cường tính thực tiễn và khả năng triển khai ứng dụng các nghiên cứu trong trường ĐH, giúp mang lại nguồn thu cho trường ĐH, giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn của DN (Trần Anh Tài & Trần Văn Tùng, 2009). Sự hợp tác giữa DN và trường ĐH giúp gia tăng cơ hội đổi mới công nghệ. DN giúp cung cấp thông tin thị trường và phản hồi của người sử dụng công nghệ cho trường ĐH/viện NC. Sự liên kết cũng giúp nâng cao năng lực R&D của DN hoặc DN nhỏ có cơ hội thuê những người có trình độ cao từ trường ĐH cho các hoạt động nghiên cứu của họ (Guan, Richard và Mok, 2005). Một số những lợi ích khác như: Liên kết tạo ra những nguồn lực nghiên cứu mà không thể có được ở những nơi khác; Giảm thói quan liêu về giấy tờ khi phải phụ thuộc vào tài trợ nhà nước; Gia tăng tỷ lệ áp dụng được những nghiên cứu cơ bản vào các vấn đề thực tiễn; Khuyến khích học tập, nâng cao trình độ nghiên cứu học thuật giữa các học giả (Harman, 2001).

Từ những cơ sở lý thuyết trên, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp và xây dựng mô hình nghiên cứu cho đề tài (Hình 1). Để khảo sát hiện trạng của mối liên kết trường ĐH – DN nhóm nghiên cứu sẽ tìm hiểu 3 nhóm vấn đề: (1) Các hình thức liên kết, nhóm này bao gồm hai nhóm nhỏ là hình thức liên kết trong đào tạo và hình thức liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao công

nghệ (NC&CGCN); (2) Các lợi ích mà trường ĐH có được từ mỗi liên kết, nhóm này cũng bao gồm hai nhóm nhỏ là những lợi ích do liên kết trong đào tạo mang lại và những lợi ích do

liên kết trong NC&CGCN mang lại; (3) Các yếu tố tác động tới mỗi liên kết. Các yếu tố được điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng khảo sát là nhà trường hay doanh nghiệp.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát được sử dụng để xác định mức độ, hình thức và lợi ích và khoảng cách trong liên kết giữa trường ĐH và DN. Mẫu khảo sát gồm 2 nhóm. Nhóm thứ nhất là các trường đại học tại TP.HCM, với 30 trường ĐH thuộc 4 lĩnh vực (Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Kinh tế/kinh doanh) với khoảng 387 khoa/trung tâm. Đối tượng khảo sát là ban giám hiệu trường, trưởng/phó của các khoa/trung tâm và các những giảng viên có nhiều kinh nghiệm về hoạt động liên kết với DN. Các bản câu hỏi được phát đến toàn bộ 30 trường, trong từng trường, các khoa và trung tâm được lấy mẫu theo nguyên tắc thuận tiện. Nhóm thứ 2 là doanh nghiệp, được lấy mẫu thuận tiện, bao gồm các qui mô và ngành nghề khác nhau.

Thiết kế Biến nghiên cứu và Bảng câu hỏi

Các biến đo lường về mức độ và lợi ích nghiên cứu được phát triển từ các nghiên cứu trước đây và điều chỉnh thông qua phỏng vấn. Nghiên cứu này sử dụng thang đo 5 điểm cho các yếu tố về Hình thức liên kết (với 1 là rất không thường xuyên/không có và 5 là rất thường xuyên) và thang Likert cho Lợi ích liên kết và Các yếu tố tác động với 1 là rất không đồng ý và 5 là rất đồng ý.

4. Kết quả và thảo luận

Nhóm 1: Với khoảng 400 bảng khảo sát phát ra tới toàn bộ 30 trường ĐH tại Tp. HCM. Số lượng hồi đáp và đạt chất lượng để xử lý là 138 bảng từ 26 trường. Một số đặc điểm của mẫu nghiên cứu như sau: các khoa thuộc khối ngành kỹ thuật chiếm 49%, các khoa đơn vị thuộc

khối ngành kinh tế/quản lý chiếm 29% tổng số, các đơn vị thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn chiếm 22% tổng số. Trường công lập chiếm 70% và tư thục là 30%. Có 49% các đơn vị đang thực hiện các hoạt động nghiên cứu, 22,5% có tư vấn chuyển giao công nghệ, chỉ khoảng 9% các đơn vị là có các hoạt động sản xuất.

Nhóm 2 là các doanh nghiệp được sử dụng như nhóm đối chứng. Số mẫu thu thập và đạt yêu cầu là 120 mẫu, trong đó DN sản xuất chiếm 59%, Thương mại 19% và Dịch vụ 22%.

4.1. Phân tích Nhân tố khám phá

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện cho các yếu tố về Hình thức liên kết và Lợi ích liên kết từ dữ liệu của nhóm trường ĐH và dữ liệu đối chứng từ nhóm DN.

Việc phân tích nhân tố trên kết quả của nhóm trường ĐH cho thấy có 5 nhóm nhân tố được rút trích từ 32 biến đo lường Hình thức liên kết và Lợi ích liên kết, giải thích 72% biến thiên của chuỗi dữ liệu. Dữ liệu từ nhóm DN cho thấy có 6 nhóm nhân tố được khám phá, giải thích 75% sự biến thiên của dữ liệu.

4.2. Phương thức liên kết và Mức độ liên kết

Doanh nghiệp hỗ trợ Đại học trong đào tạo: trong đó phía DN cung cấp cho trường ĐH các kiến thức từ ngành công nghiệp thông qua việc các cán bộ của DN sẽ tham gia hướng dẫn giảng dạy, tham gia biên soạn/tư vấn/đánh giá chương trình đào tạo cho trường ĐH. Gửi và nhận SV thực tập. Hoạt động này được đánh giá là rất cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết đào tạo với nhu cầu công nghiệp.

- *ĐH hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho DN:* trong đó phía trường ĐH cung cấp cho DN

các kiến thức, sản phẩm theo nhu cầu của DN và hai bên cùng nhận được những lợi ích đáng kể từ chúng thông qua các hoạt động như trường ĐH tư vấn cho DN về nghiên cứu, trường ĐH thực hiện các nghiên cứu/chế tạo theo đơn đặt hàng của DN, trường ĐH chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho DN, phối hợp nghiên cứu, đào tạo.

- *DN cung cấp thiết bị cho trường ĐH:* hình thức này đề cập đến các hoạt động hỗ trợ, hợp tác mà các doanh nghiệp lớn, công nghệ cao sẽ có thể cung cấp trang thiết bị cho trường ĐH để phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy.

Trong khi đó, dựa trên đánh giá của DN, phân tích nhân tố cho thấy có 4 hình thức liên kết sau:

- DN tham gia vào hoạt động đào tạo của trường ĐH.

- DN phối hợp/tiếp nhận kết quả nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ từ ĐH.

- DN nhận tư vấn và phối hợp với ĐH trong đào tạo.

- DN cung cấp thiết bị/công nghệ cho ĐH.

Như vậy, hình thức hợp tác thứ 2 trong quan điểm của trường ĐH đã bao gồm hình thức 2 và 3 theo quan điểm của DN. Sở dĩ đối với DN, các hoạt động này được phân loại riêng rẽ bởi vì hoạt động nghiên cứu và đào tạo thuộc về 2 chức năng riêng biệt trong DN, trong khi các hoạt động này được hợp nhất trong hoạt động của trường ĐH.

Kết quả bảng 1 cho thấy đánh giá của trường ĐH và DN về mức độ thường xuyên của các hình thức này.

Bảng 1. Phương thức và Mức độ liên kết

Mức độ liên kết – từ quan điểm trường ĐH	Cronbach alpha	Trung bình	Mức độ liên kết – từ quan điểm DN	Cronbach alpha	Trung bình
Doanh nghiệp hỗ trợ Đại học trong đào tạo	0.7508	3.30	Doanh nghiệp hỗ trợ Đại học trong đào tạo	.8734	2.20
ĐH hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho DN	0.9045	2.90	ĐH đào tạo, hỗ trợ tuyển dụng cho DN	.8568	2.54
			DN phối hợp/tiếp nhận kết quả nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ từ ĐH	.8120	2.20
ĐH nhận thiết bị/công nghệ từ DN	0.8210	2.47	DN tài trợ thiết bị/công nghệ cho ĐH	.8817	2.09

* 5 = rất thường xuyên, 1 = rất không thường xuyên/ không có

Nguồn: Kết quả của nghiên cứu này

Bảng dữ liệu trên đây ta thấy rằng mối liên kết của các trường ĐH với DN trong các hoạt động thuộc khía cạnh đào tạo hiện nay chưa mạnh và thuận lợi như mong đợi của các nhà quản lý các khoa/bộ môn/trung tâm tại các trường ĐH. Nhìn từ góc độ DN, tất cả các hoạt động liên kết này được đánh giá ở mức dưới trung bình.

Đứng trên góc độ của các trường ĐH, mối liên kết trường ĐH - DN trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ yếu hơn mối liên kết trong đào tạo. Tất cả các hoạt động liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ đều được đánh giá dưới trung bình (3).

4.3. Lợi ích Liên kết

Các lợi ích sau khi phân tích nhân tố được chia thành: Lợi ích từ Liên kết đào tạo và Lợi ích từ hợp tác nghiên cứu. Đáng tiếc là mức độ phân biệt giữa các hình thức lợi ích chưa đủ lớn để tạo ra những nhân tố “lợi ích” cụ thể hơn.

Lợi ích từ liên kết đào tạo đối với ĐH: tập trung vào các lợi ích liên quan đến sinh viên như tăng cường kỹ năng mềm, kinh nghiệm, khả năng tìm việc và mức độ sẵn sàng cho công việc tương lai, tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo.

Lợi ích từ liên kết nghiên cứu đối với ĐH: bao gồm các lợi ích tài chính và phi tài chính như, tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu, tăng cường nguồn thu, tăng cường năng lực đội ngũ và hình ảnh của trường.

Các lợi ích của DN mặc dù cũng được phân chia vào 2 nhóm, nhưng các yếu tố thành phần có đôi chút khác biệt.

Lợi ích từ liên kết đào tạo đối với DN: tập trung vào các lợi ích liên quan đến nâng cao năng lực nguồn nhân lực như tuyển dụng, đào tạo, quảng bá hình ảnh DN đến sinh viên và XH nói chung.

Lợi ích từ liên kết nghiên cứu đối với DN: bao gồm các lợi ích tài chính và phi tài chính như chuyển giao công nghệ, tiết kiệm chi phí nghiên cứu, hay tăng cường nguồn lực cho nghiên cứu.

Tuy đánh giá mức độ liên kết (Bảng 1) còn thấp, nhưng cả 2 phía trường ĐH và DN đều đánh giá lợi ích đem lại từ liên kết cao hơn, đặc biệt là nhóm trường ĐH. Đối với nhóm này, trong khi mỗi liên kết trong đào tạo có giá trị chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình, không như mong đợi của trường ĐH, thì phía trường

ĐH lại đánh giá khá cao các lợi ích do những mối liên kết đó đem lại. Biểu hiện là hầu hết giá trị trung bình của các biến lợi ích đều trên mức trung bình và khá cao, đặc biệt là tăng cường kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng cho sinh viên. Đối với nhóm DN, đánh giá về lợi ích nhận được của họ thấp hơn hẳn so với nhóm trường ĐH, gần như không có lợi ngoài lợi ích Tuyển dụng được nhân viên từ nguồn SV thực tập, và Nâng cao hình ảnh DN đối với xã hội và SV, tuy nhiên cũng chỉ ở mức xấp xỉ trung bình.

Bảng 2. Lợi ích liên kết

Lợi ích liên kết – từ quan điểm trường ĐH	Cronbach alpha	Trung bình	Lợi ích liên kết – từ quan điểm DN	Cronbach alpha	Trung bình
Lợi ích từ liên kết đào tạo	0.9398	4.06	Lợi ích từ liên kết đào tạo	0.9211	2.93
Lợi ích từ liên kết nghiên cứu	0.9096	3.3	Lợi ích từ liên kết nghiên cứu	0.9173	2.63

* 5 = rất đồng ý, 1 = rất không đồng ý

Nguồn: kết quả của nghiên cứu này

Mặc dù mức độ liên kết trong NC&CGCN là khá thấp nhưng tương tự như đào tạo, những hoạt động này vẫn mang lại lợi ích ở tốt hơn (trung bình – cao) cho trường ĐH, tuy nhiên DN thì đánh giá lợi ích gì từ các hoạt động này không đáng kể. Cả hai phía đều cho rằng lợi

ích từ việc quảng bá và nâng cao hình ảnh, uy tín trong xã hội là đáng quan tâm, đây cũng là điều mà các trường ĐH có thể thuyết phục DN tham gia cộng tác nhiều hơn trong mỗi liên kết vì những lợi ích dài hạn hơn là trước mắt.

4.4. Tương quan giữa hình thức liên kết và lợi ích liên kết

Bảng 4: Ma trận tương quan giữa lợi ích liên kết và hình thức liên kết đối với Trường ĐH

Pearson Correlation	LIĐT	LINC	HT-TGĐT	HT-DVĐT&CGCN	HT-CCTB
LIĐT	1				
LINC	.531 ^(**)	1			
HT-TGĐT	.442 ^(**)	.380 ^(**)	1		
HT-DVĐT&CGCN	.285 ^(**)	.617 ^(**)	.438 ^(**)	1	
HT-CCTB	.165	.514 ^(**)	.304 ^(**)	.448 ^(**)	1

** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed)

LIĐT: Các lợi ích từ liên kết trong đào tạo (cho SV)

LINC: Các lợi ích từ liên kết trong NC và CGCN

HT-TGĐT: DN tham gia vào hoạt động của trường ĐH

HT-DVĐT&CGCN: ĐH cung cấp dịch vụ ĐT và CGCN cho DN

HT-CCTB: DN cung cấp thiết bị/ công nghệ cho ĐH

Hình thức liên kết *DN tham gia vào ĐT* có tương quan có ý nghĩa thống kê với cả lợi ích đào tạo và lợi ích nghiên cứu, trong đó tương quan với lợi ích đào tạo lớn hơn. Hình thức liên kết *cung cấp dịch vụ ĐT và CGCN cho DN* có tương quan yếu với lợi ích đào tạo nhưng khá mạnh với lợi ích nghiên cứu và hình thức hợp tác *cung cấp thiết bị công nghệ* không có tương quan với Lợi ích đào tạo nhưng khá mạnh với

Lợi ích nghiên cứu. Như vậy, kết quả này chứng minh tầm quan trọng của việc liên kết với DN, tất cả các hình thức liên kết đều có mối tương quan mạnh với lợi ích về NCKH, là một hoạt động quan trọng với trường ĐH.

Phân tích tương tự được thực hiện cho nhóm DN:

Bảng 5: Ma trận tương quan giữa lợi ích liên kết và hình thức liên kết đối với DN

Pearson Correlation	LIĐT	LINC	HT-TGĐT	HT-CGCN	HT-CCTB	HT-ĐTNL
LIĐT	1					
LINC	.670 ^(**)	1				
HT-TGĐT	.303 ^(**)	.269 ^(**)	1			
HT-CGCN	.472 ^(**)	.451 ^(**)	.440 ^(**)	1		
HT-CCTB	.369 ^(**)	.568 ^(**)	.463 ^(**)	.482 ^(**)	1	
HT-ĐTNL	.323 ^(**)	.419 ^(**)	.544 ^(**)	.444 ^(**)	.509 ^(**)	1

**** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).**

HT-CGCN: DN tiếp nhận kết quả NC và CGCN từ trường ĐH

HT-CCTB: DN cung cấp thiết bị/ công nghệ cho ĐH

Kết quả từ Bảng 5 cho thấy các Hình thức hợp tác đều có tương quan có ý nghĩa thống kê đối với các Lợi ích trong Liên kết đào tạo và Liên kết nghiên cứu. Tương quan này tương đối cao giữa Hình thức *Tiếp nhận kết quả NC và CGCN từ trường ĐH* và *Cung cấp thiết bị/ công nghệ cho ĐH* với lợi ích trong đào tạo nhân lực và nghiên cứu đối với DN. Điều này phù hợp với thực tế hoạt động, trong đó các DN kỳ vọng vào lợi ích có được từ liên kết nghiên cứu – chuyển giao công nghệ để nâng cao trình độ công nghệ cho họ.

Tóm lại, phân tích tương quan cho cả hai nhóm cho thấy tầm quan trọng của việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau.

4.5 Các yếu tố tạo thuận lợi cho liên kết

Từ việc khẳng định tầm quan trọng của hoạt động liên kết, nghiên cứu này cũng tìm kiếm các yếu tố tạo thuận lợi cho việc xây dựng liên kết từ hai phía, nhà trường và doanh nghiệp. Các yếu tố này được trình bày trong Bảng 6. Trong phần này, chúng tôi tập trung vào từng yếu tố thuận lợi đơn lẻ nên không thực hiện

phân tích nhân tố khám phá trong nhóm yếu tố này.

Bảng 6. Các yếu tố tạo thuận lợi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC				DOANH NGHIỆP			
Yếu tố	N	TB	ĐLC	Yếu tố	N	TB	ĐLC
Mối quan hệ cá nhân.	131	3.84	.975	Nhận thức về trách nhiệm xã hội của DN	110	3.40	1.021
Năng lực, uy tín, chất lượng trường ĐH.	131	3.72	.951	Xu hướng toàn cầu hoá.	113	3.37	1.014
Lợi ích của trường ĐH.	131	3.64	.869	Lợi ích của DN	112	3.36	1.056
Xu hướng toàn cầu hoá.	131	3.58	1.018	Mức độ phát triển của nền kinh tế.	112	3.33	.999
Chính sách trường ĐH.	131	3.52	.940	Năng lực và Uy tín của DN.	112	3.31	.987
Năng lực và Uy tín của DN.	131	3.46	.905	Năng lực, uy tín, chất lượng trường ĐH.	113	3.21	1.073
Nhận thức về trách nhiệm xã hội của DN.	131	3.39	1.150				
Áp lực cạnh tranh của các trường ĐH.	131	3.37	1.071				
Hệ thống tổ chức trường ĐH.	131	3.35	1.032				
Mức độ phát triển của nền kinh tế.	131	3.34	1.042				

* 5=rất quan trọng, 1 = rất không quan trọng

Nguồn: kết quả của nghiên cứu này

Tổng cộng có 13 yếu tố được đưa vào khảo sát, Bảng 6 liệt kê các yếu tố có mức độ quan trọng tương đối (có trị trung bình > 3). Theo đó, phía trường ĐH đưa ra 10 yếu tố tương đối tạo thuận lợi cho việc xây dựng mối quan hệ với DN trong khi DN chỉ xác định 6 yếu tố có thể thúc đẩy mối quan hệ này. Tuy nhiên, nhìn chung không có yếu tố đơn lẻ nào được đánh giá là quan trọng (có trị trung bình > 4). Giữa hai nhóm cũng có sự tương đồng khi đều đề cập đến các yếu tố “Uy tín, danh tiếng”, “Lợi ích” và “Xu hướng toàn cầu hoá”. Như vậy, Danh tiếng của hai phía giúp thuận lợi cho việc xây dựng liên kết và chính những liên kết này

lại làm tăng thêm danh tiếng cho họ (xem thêm phần lợi ích liên kết). Khi xây dựng liên kết, cả hai phía cũng đều quan tâm yếu tố “Lợi ích”, do vậy, mặc dù phía DN xem việc nhận thức được về Trách nhiệm xã hội sẽ giúp việc hình thành liên kết dễ dàng hơn, nhưng họ vẫn cần những lợi ích thực sự tạo ra từ hoạt động này. Cả hai phía cho rằng “Xu hướng toàn cầu hoá” sẽ góp phần thúc đẩy thêm những liên kết này. Xu hướng này được biểu hiện qua hoạt động của các công ty đa quốc gia. Hiện nay nhóm các công ty này là nhóm chủ động và xây dựng được nhiều hoạt động liên kết với trường ĐH. Điều này vừa tạo áp lực vừa thúc đẩy các DN

trong nước phải xây dựng những mối liên kết này.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã xây dựng thang đo cho biến “Hình thức liên kết” và “Lợi ích liên kết”. Nghiên cứu cũng đã khẳng định được tầm quan trọng của các hoạt động liên kết với lợi ích trong đào tạo và nghiên cứu đối với cả hai phía. Như vậy, hoạt động liên kết là hoạt động đôi bên cùng có lợi và chúng cần được thúc đẩy hơn nữa khi mà thực tế hiện nay, các hoạt động này còn khá thưa thớt (về độ thường xuyên) và thô sơ (về hình thức). Nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra rằng Danh tiếng của 2 phía là yếu tố quan trọng để xây dựng liên kết, tuy nhiên mối quan hệ cá nhân giữa các giảng viên, nhà nghiên cứu của trường ĐH lại là yếu tố quan trọng để xúc tiến mối liên kết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đặng Quốc Bảo và Bùi Đức Tú (2007). Mối liên kết giữa Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và Doanh nghiệp. *Tạp chí khoa học Đại học Đà Nẵng*, Số 19.
- [2]. Guan, Jian Cheng; Richard C.M. Yam và MokChiu Kam (2005). Collaboration between industry and Research institutes Universities on industrial innovation in Beijing, China. *Technology Analysis & Strategic Management*, Vol. 17, No. 3, p.339-353.
- [3]. Harman G (2001), The drawbacks of industry partnerships. *Campus Review*. July 25–31, p. 9.
- [4]. Heidrick, Ted, John Kramers, và Marc C. Godin (2005 September). Deriving value from Industry – University Partnerships: A case study of the advanced engineering materials centre. *Engineering management Journal*, Vol.17, No.3.
- [5]. Jones-Evans, Dylan, and Magnus Klofsten (1998). The Role of the university in the technology transfer process: a European view. *Science & Public Policy* 25(6): 373-380.
- [6]. Kirkman (2012), University Technology Transfer factors as Predictors of Entrepreneurial Orientation; *Administrative Issues journal: Education, Practice and Research*, Volume 1, Issue 1.
- [7]. Santoro, M.D. (2000), Success Breeds Success: The Linkage between Relationship Intensity and Tangible Outcomes in Industry-University Collaborative Ventures, *Journal of High Technology Management Research*, Vol. 11, Issue 2: 255-273.
- [8]. Trần Anh Tài và Trần Văn Tùng (2009). *Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu*. NXBĐHQGHN.